

Số: 272 /TTBVTV

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 8 năm 2022

V/v đề xuất nội dung, giải pháp thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng.

Thực hiện văn bản số 1596/SNN-KH ngày 18/7/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng, về việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW,

Chi cục Trồng trọt và BVTV báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn và đề xuất nội dung, giải pháp thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TW

1. Thực hiện tái cơ cấu xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại

1.1. Công tác rà soát, điều chỉnh và kết quả triển khai các quy hoạch sản xuất theo định hướng tái cơ cấu, trên cơ sở phát huy lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường

- Trong lĩnh vực trồng trọt, tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng và phê duyệt 04 đề án quy hoạch, gồm: quy hoạch vùng sản xuất rau, chè tập trung trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; quy hoạch cây lúa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến 2020; quy hoạch phát triển cà phê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 và quy hoạch phát triển cây mắc ca trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2030. Các quy hoạch bước đầu định hướng sản xuất đảm bảo phù hợp với điều kiện sinh thái, phát huy lợi thế cạnh tranh của từng địa phương, tạo điều kiện tổ chức lại sản xuất, khai thác có hiệu quả được tiềm năng thế mạnh của địa phương, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên về đất đai, khí hậu và môi trường.

- Hiện nay, tỉnh đang triển khai thực hiện Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lâm Đồng với diện tích 221,32 ha theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch 07 khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC tập trung với tổng diện tích 1.918 ha để thu hút các nhà đầu tư, hình thành ngành hàng sản xuất rau hoa hiện đại, hướng tới các thị trường tiềm năng như Nhật Bản và các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Bên cạnh đó, tỉnh Lâm Đồng đã định hướng xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ngay từ năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 giao UBND các huyện, thành phố điều tra, đánh giá thực trạng và xây dựng kế hoạch hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để triển khai thực hiện. Các địa phương đã xây dựng kế hoạch hình thành 21 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC (02

vùng chăn nuôi và 19 vùng sản xuất trồng trọt) với quy mô 6.168 ha và 36.460 con bò sữa. Đến năm 2021, có 05 vùng được công nhận đạt tiêu chí vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với diện tích 593 ha, 13.850 con bò sữa, cụ thể: Vùng sản xuất hoa Phở 12, Đà Lạt, quy mô 150 ha; Vùng sản xuất hoa Phở 5, Đà Lạt, quy mô 158 ha; Vùng sản xuất rau xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương, quy mô 118 ha; Vùng sản xuất rau xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, quy mô 167 ha; Vùng chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao xã Tu Tra và xã Đạ Ròn, huyện Đơn Dương với quy mô 13.850 con.

Các quy hoạch, kế hoạch góp phần thúc đẩy hình thành các liên kết giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã với tổ hợp tác, nông dân; tổ chức lại sản xuất hiệu quả, có tính bền vững. Đây là yếu tố quyết định để đột phá trong tái cơ cấu ngành trồng trọt của tỉnh trong thời kỳ 2008 - 2021.

1.2. Quá trình thực hiện đổi mới cải tạo giống và chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2013 - 2021

Để thực hiện tái cơ cấu, cơ cấu lại trong lĩnh vực trồng trọt, tỉnh Lâm Đồng đã có một số Chương trình trọng tâm cải tạo và chuyển đổi cơ cấu cây trồng hiệu quả như sau:

- Chương trình tái canh cà phê: Sau 08 năm (giai đoạn 2013 - 2021) triển khai kế hoạch tái canh, ghép cải tạo cà phê toàn tỉnh đã thực hiện 76.432 ha; trong đó trồng tái canh cà phê với 33.594 ha, tái canh cà phê chèn 1.258 ha, ghép cải tạo cà phê với 41.580 ha.

Kế hoạch tái canh, ghép cải tạo cà phê đã giúp trẻ hóa vườn cây cà phê già cỗi, diện tích sâu bệnh, năng suất thấp và tiến hành trồng mới; tập trung chuyển đổi, cải tạo chất lượng giống cà phê (cà phê với sử dụng các giống cao sản cho năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh gỉ sắt như TR4, TR9, TR11, TRS1, Thiện Trường, Trường Sơn, Hữu Thiên, cà phê chèn chủ yếu là sử dụng giống Catimor, THA1 và một số giống cà phê chất lượng cao (Typica, Bourbon, Catuara).

Bên cạnh nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ trong giai đoạn 2013 - 2020, với kinh phí hàng năm 1,6 - 1,8 tỷ đồng; trong giai đoạn 2013 - 2017 các ngân hàng thương mại đã hỗ trợ cho vay 950 tỷ đồng/5.515 khách hàng để thực hiện 9.005 ha (166 tỷ/1.040 khách hàng thực hiện trồng tái canh 1.350ha và 784 tỷ/4.475 khách hàng thực hiện ghép cải tạo 7.655ha).

Việc tái canh, ghép cải tạo giống cà phê đã đưa năng suất cà phê của tỉnh từ 27,0 tạ/ha năm 2013 tăng lên 32,5 tạ/ha năm 2021; sản lượng từ 382.954 tấn năm 2013 lên 563.086 tấn năm 2021. Tại các huyện trọng điểm sản xuất cà phê của tỉnh như huyện Di Linh, Bảo Lâm có trên 10.000 ha chuyên canh cà phê cho năng suất từ 4 tấn trở lên, nhiều mô hình đạt năng suất 7 - 8 tấn/ha.

- Chương trình chuyển đổi giống cây trồng: giai đoạn 2008 - 2021 tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện chuyển đổi thành công trên 19.000 ha cây ăn quả (trồng thuần 7.980 ha; trồng xen cây công nghiệp 11.020 ha); trong đó cây sầu riêng là cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao đã chuyển đổi trên 10.000 ha (trồng thuần 4.900 ha, trồng xen 5.100 ha). Chuyển đổi trên 1.800 ha đất lúa kém hiệu quả (đất lúa 01 vụ) để chuyển sang cây rau, màu cho giá trị kinh tế cao hơn.

Công tác cải tạo và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh đã góp phần cơ cấu lại sản xuất trồng trọt của tỉnh, hình thành nên các vùng sản xuất tập trung; nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác từ 76 triệu đồng/ha năm 2008, đến năm 2021 tăng lên 201 triệu đồng/ha năm (tăng 125 triệu trong giai đoạn 2008 - 2021, bình quân tăng 9,6 triệu đồng/năm).

2. Kết quả thực hiện sản xuất cây trồng chính giai đoạn 2008 - 2021

- Cây lúa: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 30,8 ngàn ha/năm, năng suất bình quân trong giai đoạn tăng 11,7 % so với năm 2008 (riêng năm 2021 tăng 20,5% so với 2008). Sản lượng năm 2021 đạt 143,9 ngàn tấn, giảm 2,7 % so với năm 2008.

- Cây ngô: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 13,8 ngàn ha/năm, năng suất bình quân trong giai đoạn tăng 17,8% so với năm 2008 (riêng năm 2021 tăng 26,8% so với 2008). Sản lượng năm 2021 đạt 41,7 ngàn tấn, giảm 51,6% so với năm 2008.

- Cây rau: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 56,0 ngàn ha/năm, năng suất bình quân trong giai đoạn tăng 18,5% so với năm 2008 (riêng năm 2021 tăng 30,4% so với 2008). Sản lượng năm 2021 đạt 2.714,5 ngàn tấn, tăng 142,8% so với năm 2008.

- Cây hoa: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 6,6 ngàn ha/năm, năng suất bình quân trong giai đoạn tăng 17,9% so với năm 2008 (riêng năm 2021 tăng 26,6% so với 2008). Sản lượng năm 2021 đạt 3.372.256 ngàn cành, tăng 338,9% so với năm 2008.

- Cây cà phê: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 155,1 ngàn ha/năm, sản lượng năm 2021 đạt 527,9 ngàn tấn, tăng 87% so với năm 2008, sản lượng bình quân trong giai đoạn tăng 46,1% so với năm 2008.

- Cây chè: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 20,2 ngàn ha/năm, sản lượng năm 2021 đạt 160,6 ngàn tấn, giảm 12,5% so với năm 2008, sản lượng bình quân trong giai đoạn tăng 9,3% so với năm 2008.

- Cây điều: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 19,1 ngàn ha/năm, sản lượng năm 2021 đạt 19,1 ngàn tấn, tăng 190% so với năm 2008, sản lượng bình quân trong giai đoạn tăng 61,3% so với năm 2008.

- Cây ăn quả các loại: diện tích bình quân giai đoạn 2008 - 2021 đạt 14,9 ngàn ha/năm, sản lượng năm 2021 đạt 235,9 ngàn tấn, tăng 345,5% so với năm 2008, sản lượng bình quân trong giai đoạn tăng 189,2% so với năm 2008.

3. Về nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn

3.1. Công tác nghiên cứu, chuyển giao KHKT

- Hàng năm thực hiện từ 5 - 10 mô hình, khảo nghiệm nghiên cứu, hướng dẫn biện pháp quản lý các dịch hại mới, dịch hại nổi cộm chưa có thuốc BVTV đăng ký trong danh mục như virus hại rau hoa, chanh dây, sâu keo mùa thu hại bắp, bọ xít muỗi hại cà phê, bọ, tuyến trùng hại dâu tằm... giúp cho nông dân chủ động phòng chống dịch hại.

- Cấp phát tờ rơi, xây dựng các phóng sự tuyên truyền, tập huấn từ 20 - 30 lớp/năm cho 1.000 - 1.500 lượt nông dân về hướng dẫn quy trình quản lý dịch hại tổng hợp, ứng dụng công nghệ sinh học kiểm soát dịch hại trên các cây trồng chính như rau, chè, cà phê, lúa, cây ăn trái góp phần quản lý tốt dịch hại và giảm thiểu việc sử dụng thuốc BVTV, đảm bảo an toàn thực phẩm.

3.2. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn

- Trải qua hơn 18 năm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Lâm Đồng đã có nhiều thành tựu góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực trồng trọt: Năm 2021, toàn tỉnh có 63.108 ha (chiếm 21% tổng diện tích canh tác toàn tỉnh và tăng 58.488 ha so với 2008). Mức độ ứng dụng công nghệ cao có tính đa dạng với nhiều kỹ thuật tiên tiến, hiện đại:

+ Toàn tỉnh đã có 44.265 ha tưới tiên tiến tiết kiệm nước (*40.061 ha tưới phun mưa, 3.929 ha tưới nhỏ giọt; 210 ha tưới phun sương và 65 ha thủy canh hồi lưu*), tăng 42.207 ha so với 2008. Canh tác rau, hoa trên giá thể đạt trên 400 ha và công nghệ màng lợp nhà kính bằng PE 3-5 lớp có tác dụng chống tia UV, khuếch tán ánh sáng, chống bám bụi giúp đảm bảo an toàn cho người lao động được ứng dụng trên 500 ha nhà kính (năm 2008 chưa được áp dụng).

+ Sử dụng nhà kính, nhà lưới: Toàn tỉnh hiện có 4.476,2 ha diện tích nhà kính (tăng 3.306 ha so với năm 2008); phần lớn diện tích nhà kính chủ yếu được sử dụng để sản xuất hoa với 2.435,5 ha (chiếm 54,4%), sản xuất rau 1.818,1 ha (chiếm 41,7%) và nhà kính sử dụng trồng cây khác 222,6 ha (chiếm 3,9%). Diện tích nhà lưới có 2.697,1 ha (tăng 2.100 ha so với 2008) chủ yếu được sử dụng trong sản xuất rau và một số diện tích ứng dụng trong sản xuất hoa, vườn ươm cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

+ Ứng dụng công nghệ giống mới: có đến 90% giống rau, hoa trên địa bàn tỉnh được nhập khẩu từ 19 nước (Hà Lan, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Pháp, Bỉ, Đan Mạch, Ý, Israel, Kenya, Thái Lan, New Zealand, Hàn Quốc, Đức, Peru, Mỹ, Tây Ban Nha, Chile, Indonesia). Lượng giống nhập khẩu 59,18 triệu cây, ngọn, cành, hạt hoa các loại; 6,12 tấn hạt giống rau; 730 tấn giống khoai tây giống và 5.707 hạt giống khoai tây.

+ Công nghệ sinh học: Công nghệ nhân giống in vitro đã tạo ra các loại cây giống sạch bệnh có tính đồng nhất và ổn định về năng suất, chất lượng; hiện có 56 cơ sở nuôi cấy mô thực vật, hàng năm sản xuất trên 72,38 triệu cây giống gốc cung cấp cho trên 200 vườn ươm sản xuất trên 2 tỷ cây giống thương phẩm. Trong canh tác cây trồng, lượng thuốc BVTV chế phẩm sinh học được ứng dụng vào sản xuất trong nông nghiệp công nghệ cao hàng năm trên 15%. Ngoài ra, công ty Đà Lạt-Hasfarm đã sử dụng thiên địch nhện bắt mồi Hypro; nhện bắt mồi Amblyseius sp. sử dụng tiêu diệt côn trùng trên 30 ha cây hoa cúc; Công ty Huyền thoại toàn cầu nhập khẩu tuyến trùng về nhân nuôi và sử dụng trừ ruồi nhế hại cây hoa tiểu quỳnh (hàng năm sử dụng 1,5 ha).

+ Công nghệ ghép: Công nghệ này áp dụng thành công trên các giống cây họ cà; đặc biệt cà chua 100% đã sử dụng giống ghép kháng bệnh héo xanh vi khuẩn; các loại cây họ cà khác như cà tím, ớt ngọt đang từng bước ứng dụng công nghệ ghép trong sản xuất giống. Ứng dụng công nghệ ghép giúp giảm tỷ lệ bệnh héo

xanh trên cây họ cà rất tốt (>80%). Bên cạnh đó, công nghệ ghép được ứng dụng trên các cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm cho hiệu quả kinh tế cao hơn 30% so với không ứng dụng công nghệ ghép.

+ Hình thành và phát triển Trung tâm sau thu hoạch làm dịch vụ sơ chế nông sản cho người dân (chủ yếu là rau, củ, quả) tại công ty TNHH SX TM NS Phong Thúy áp dụng nông nghiệp thông minh sử dụng máy rửa và phân loại cà chua dựa trên màu sắc và kích thước của cà chua.

+ Công nghệ trồng trọt thông minh: Trong thời gian qua, các doanh nghiệp, HTX và nông dân đã ứng dụng công nghệ cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, CO₂, cường độ ánh sáng trong canh tác rau, hoa, cây đặc sản. Năm 2021, toàn tỉnh 376,6 ha cây trồng ứng dụng công nghệ IoT (173,8 ha rau; 187,2 ha hoa; 5,5 ha dâu tây và 10 ha chè chất lượng cao) đã giúp người sản xuất giảm 10 - 20% lượng thuốc BVTV, phân bón; giảm 30 - 50% lượng nước tưới và nhân công lao động.

+ Công nghệ khác: Khâu gieo ươm giống rau, hoa đã được cơ giới hóa từ khâu rửa vỉ, đóng giá thể vào vỉ và gieo hạt bằng máy cho năng suất lao động tăng gấp 5 - 7 lần so với làm thủ công. Công nghệ màng bao phủ nhà kính bằng plastic 3 - 5 lớp có tác dụng chống tia UV (tia cực tím), khuếch tán ánh sáng, chống bám bụi và độ bền cao (5 - 7 năm). Nhiều loại phân bón thế hệ mới (công nghệ Nano, công nghệ sinh học, công nghệ vi sinh, ...) được ứng dụng trong canh tác thủy canh, trồng trên giá thể nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ Đối với cây lúa: bước đầu áp dụng công nghệ sinh học và sinh thái trong phòng trừ rầy nâu, sử dụng giống kháng rầy, cơ giới hóa khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch, xây dựng cánh đồng lớn.

- Hiệu quả của phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh cho doanh bình quân đạt 430 triệu đồng/ha, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, thông minh chiếm 45% tổng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác rau ứng dụng công nghệ thông minh đạt trên 02 tỷ đồng/ha/năm; sản xuất hoa ứng dụng công nghệ IoT đạt từ 3 - 8 tỷ đồng/ha/năm. Xuất khẩu nuôi cấy mô năm 2021 đạt 9 triệu USD, giá trị xuất khẩu trên đơn vị diện tích bình quân 6 triệu USD/ha/năm.

3.3. Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phối hợp Trung tâm Khảo kiểm nghiệm Giống và sản phẩm cây trồng Quốc gia tổ chức 01 lớp tập huấn (8 ngày) đào tạo về kiểm định giống và lấy mẫu giống cây trồng cho 15 cán bộ của tỉnh và các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương để bổ sung lực lượng thực hiện tốt công tác quản lý giống cây trồng, đặc biệt giống rau, hoa trong điều kiện dịch hại ở vườn ươm ngày càng gia tăng.

- Phối hợp Trung tâm BVTV miền Trung tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ công tác điều tra DTDB cho 36 cán bộ của Trung tâm nông nghiệp các huyện, thành phố nhằm hướng dẫn đặc điểm các dịch hại mới như virus cà chua, hoa cúc, sâu keo mùa thu hại cây ngô; thảo luận, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác điều tra, dự báo sâu bệnh ở các địa phương

II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển sản xuất trồng trọt hàng hóa có giá trị, sức cạnh tranh cao góp phần thực hiện thành công các mục tiêu Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030, định hướng đến năm 2050.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Nâng cao hiệu quả sử dụng 300.000 ha đất canh tác nông nghiệp thông qua cơ cấu lại sản xuất cây trồng rau, hoa, chè, cà phê, cây ăn quả; tốc độ tăng trưởng ngành trồng trọt đạt 4 - 4,5%.

- Phát triển và hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh theo ngành hàng trên các cây trồng có lợi thế cạnh tranh với tổng diện tích khoảng 30.000 ha; phân đầu có ít nhất 29 vùng sản xuất được công nhận là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Giá trị sản xuất bình quân đạt trên 250 triệu đồng/ha/năm; có trên 30% diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao; diện tích có giá trị sản xuất dưới 50 triệu/ha/năm xuống dưới 3%.

- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp 300 mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói đối với các loại nông sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Nâng cao hiệu quả sử dụng 300.000 ha đất canh tác nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng ngành trồng trọt đạt 5,5 - 6%.

- Phát triển và hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh theo ngành hàng trên các cây trồng có lợi thế cạnh tranh với tổng diện tích khoảng 45.000 ha; công nhận thêm ít nhất 10 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Giá trị sản xuất bình quân đạt trên 300 triệu đồng/ha/năm; có trên 40% diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao; diện tích có giá trị sản xuất dưới 50 triệu/ha/năm xuống dưới 2,0%.

- Phân đầu 100% nông sản trên địa bàn tỉnh được cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ cho truy xuất nguồn gốc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản đáp ứng yêu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

- Chỉ đạo phát triển sản xuất trồng trọt theo quy mô lớn, ứng dụng, mạnh mẽ khoa học công nghệ đặc biệt là công nghệ sinh học, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ. Thực hiện cơ cấu lại các sản phẩm theo hướng ưu tiên các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp sơ chế chế biến và phát triển các chuỗi giá trị; hướng đến xuất khẩu, đặc biệt là các ngành hàng chủ lực có tỷ trọng lớn như: rau, hoa, cà phê, chè, cây ăn quả. Cụ thể như sau:

+ Rau: tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất rau ôn đới tại các huyện phụ cận Đà Lạt với các chủng loại sản phẩm có giá trị kinh tế cao; đồng thời phát triển vùng trồng rau tại khu vực các huyện phía nam, Bảo Lâm, Bảo Lộc, Đam Rông với các sản phẩm phù hợp. Ưu tiên phát triển các giống rau các tỉnh khác trong nước chưa sản xuất được và ứng dụng công nghệ điều tiết sản xuất linh hoạt với vụ rau chính tại các tỉnh phía bắc. Đến năm 2030 đạt quy mô 78.500 - 79.000 ha.

+ Hoa: duy trì và phát triển diện tích sản xuất hoa toàn tỉnh khoảng 3.900-4.000 ha; ngoài việc tiếp tục thay đổi bộ giống và nâng cao năng suất các loại hoa cắt cành truyền thống hiện có và các loại hoa chậu phục vụ nhu cầu trang trí cho thị trường trong nước, đẩy mạnh phát triển các diện tích sản xuất hoa giá trị cao, giống mới, từng bước chuyển sang sử dụng giống có bản quyền phù hợp với các quy định để phát triển thị trường xuất khẩu. Đến năm 2030 đạt quy mô 11.000 - 11.500 ha và đạt 13.500-14.000 vào năm 2050.

+ Cây dược liệu: Phát triển ngành dược liệu tương xứng với tiềm năng của tỉnh để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Mở rộng quy mô, diện tích vùng trồng cây dược liệu theo 2 hướng trồng dưới tán rừng, trồng tập trung trên đất nông nghiệp, ưu tiên các giống dược liệu đặc hữu của địa phương như Atiso, đương quy, diệp hạ châu, nấm linh chi, đẳng sâm, đinh lăng ... gắn với đẩy mạnh chế biến dược phẩm, thực phẩm chức năng. Đến năm 2030, toàn tỉnh có trên 2.500 ha sản xuất dược liệu (dưới tán rừng 1.000 ha, trên đất nông nghiệp 1.500 ha).

+ Trái cây: tiếp tục rà soát, chuyển đổi hoặc trồng xen cây ăn quả trên các diện tích sản xuất cây công nghiệp kém hiệu quả; du nhập, sản xuất thử nghiệm một số giống cây ăn quả mới để đánh giá hiệu quả, nhân rộng trong sản xuất; xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất cây ăn quả chủ lực thích ứng với biến đổi khí hậu, linh hoạt với thị trường đặc biệt là các giống trái vụ. Xây dựng các vùng trồng cây ăn quả chất lượng cao được cấp mã số vùng trồng phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Các sản phẩm chủ lực xác định là sầu riêng, bơ, mắc ca, mít, chuối, chanh dây, măng cụt, chôm chôm, hồng ăn trái và các loại cây có múi... Đến năm 2030 đạt quy mô khoảng 50.000 ha, chủ lực là sầu riêng với 30.000 ha.

+ Cà phê: Rà soát chuyển đổi khoảng 22.000 ha cà phê kém hiệu quả sang các hình thức sản xuất khác; tiếp tục thực hiện tái canh cải tạo các diện tích còn lại. Khuyến khích mở rộng các diện tích trồng cà phê Arabica tại các khu vực phù hợp. Nhân rộng các mô hình sản xuất cà phê cảnh quan bền vững. Đến năm 2030 duy trì quy mô diện tích cà phê khoảng 150.000 ha, trong đó phần đầu mở rộng diện tích cà phê arabica đạt khoảng 9.000 - 10.000 ha.

+ Chè: tiếp tục duy trì các vùng sản xuất chè tập trung, quy mô lớn hiện có, chuyển đổi sang các giống chè chất lượng cao để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, đạt chất lượng phục vụ cho hoạt động chế biến, nâng cao giá trị ngành chè. Đến năm 2030 duy trì diện tích chè toàn tỉnh khoảng 10.000 - 11.000 ha.

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm đặc thù của địa phương như các loại dược liệu, hồng, dâu tây, hoa trang trí để phục vụ nhu cầu trong nước gắn với phát triển du lịch tại các địa phương.

- Nghiên cứu, phát triển, đầu tư nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, các mô hình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM, IPHM), mô hình canh tác bền vững,

sử dụng thuốc BVTV sinh học, kiểm soát dịch hại bằng các tác nhân sinh học để thay thế thuốc hóa học nhằm phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

- Thực hiện thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, dịch vụ.

- Tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, đặc biệt là tại vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chọn lựa, ứng dụng phù hợp các loại công nghệ mới hiệu quả, thân thiện với môi trường, phát triển sản xuất hữu cơ; nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa từ sản xuất đến thu hoạch bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị. Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Đến 2030 diện tích sản xuất đạt tiêu chí nông nghiệp công nghệ cao chiếm 30% diện tích canh tác toàn tỉnh (90.000 ha); diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ số chiếm khoảng 10% diện tích canh tác (30.000 ha).

- Tổ chức tập huấn nâng cao về nghiệp vụ thanh, kiểm tra cho công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Trồng trọt & BVTV, tập huấn người lấy mẫu phân bón, giống cây trồng đáp ứng nhu cầu quản lý của địa phương.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để chọn lọc, lai tạo sản xuất các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, phù hợp thị trường nhằm chủ động nguồn giống trong nước phục vụ sản xuất, giảm giống nhập khẩu.

- Có chính sách hỗ trợ việc nhập khẩu các công nghệ, kỹ thuật mới, tiên tiến trong canh tác, phòng chống dịch bệnh, bảo quản và chế biến nông sản.

- Đầu tư ngân sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có đủ năng lực, trình độ để tập huấn, chuyển giao các công nghệ kỹ thuật tiên tiến, hiện đại cho nông dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, tăng cường năng lực quản lý (kiểm tra, đánh giá, giám sát, kiểm soát chất lượng, quản lý sinh vật gây hại), truy xuất nguồn gốc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản đáp ứng yêu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu.

3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu; nghiên cứu ứng dụng và nhân rộng các quy trình canh tác tổng hợp theo hướng an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh, từng bước giảm thiểu diện tích nhà kính chưa đạt chuẩn và ở những nơi ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường; triển khai nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong phát triển các nông sản chủ lực nhằm nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp; nâng cao giá trị gia tăng và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, vật tư đầu vào nhằm giảm suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân phân loại và tổ chức thu gom, xử lý rác thải nông nghiệp đúng quy định. Đẩy mạnh việc tái sử dụng rác thải nông nghiệp đặc biệt phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón để giảm chi phí sản xuất, hạn chế ô nhiễm môi trường.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, người đứng đầu đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch hại cây trồng; xử lý nghiêm các vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong các hoạt động giám sát, phản biện xã hội góp phần xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Kính gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo Chi cục (03);
- Các phòng, trạm;
- Lưu VT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Quang Duy